TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 11 - 2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;

Ông Phạm Minh Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 2002

Địa chỉ: Số B, khu vực S, phường Đ, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Phạm Thành K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Phạm Thành K tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống chung không hợp, bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Đăng K1, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2023. Hiện do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn Phạm Thành K; về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đăng K1, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên toà, bị đơn là ông Phạm Thành K có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, bị đơn đã nhiều lần tìm gặp nguyên đơn để hàn gắn hôn nhân, nhưng nguyên đơn lãng tránh.

Bị đơn mong muốn được đoàn tụ, nhưng nếu nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn thì bị đơn cũng đồng ý; về con chung: Đồng ý giao con chung là cháu Phạm Đăng K1 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng phải cho bị đơn được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bị đơn sẽ tự nguyện chu cấp cho con mà không yêu cầu Toà án đề cập đến; về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại phiên toà, phía bị đơn thừa nhận trong thời gian sống ly thân, bị đơn đã nhiều lần tìm gặp nguyên đơn để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng vẫn không thành. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Xét con chung của các đương sự là cháu Phạm Đăng K1 đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định nên không cần thiết phải xáo trộn. Mặt khác, cháu Phạm Đăng K1 hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc phải được giao cho người mẹ nuôi dưỡng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là

hoàn toàn tự nguyên và phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác nếu có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Phạm Thành K.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đăng K1, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2023; ông Phạm Thành K không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Tuyết M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phạm Thành K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004076 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phương Bình, TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng